TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2017/HS-PT
Ngày 07 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 659/2016/HSPT ngày 24 tháng 10 năm 2016 đối với bị cáo Phạm Ngọc S và các bị cáo khác, do Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2016/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng nghị và bị kháng cáo.

**** Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:***

1/ **Phạm Ngọc S** (S câu), sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: số 342/14, khu phố 6, thị trấn NB, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số 28, đường 6C khu dân cư TS, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Phạm Văn T (sinh năm 1945) và bà Phạm Thị H (chết); Có vợ là Bùi Thị Th (sinh năm 1976, đã ly hôn) và có 01 con (sinh năm 1988); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1996 bị Toà án quân sự Quân khu 7 xử phạt 15 tháng tù về tội "Vắng mặt trái phép", ra tù ngày 30/4/1997; Năm 1998 bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", ra tù tháng 9/1999; Năm 2009 bị Toà án nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù về tội "Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai", ra tù ngày 30/4/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/7/2015. Hiện đang bị tạm giam – Có mặt.

2/ **Lê Hoàng L**, sinh năm 1979 tại An Giang; HKTT: 861/143, đường TXS, phường TH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 290A, 17B đường DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Võ Thị Ph (sinh năm 1946); Có vợ là Đoàn Thị Thu Th (sinh năm 1990) và có 01 con (sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/7/2015, hủy bỏ tạm giam ngày 21/7/2015, bị bắt tạm giam lại ngày 31/7/2015 – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng L theo yêu cầu: Luật sư Thái Thanh H, Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương – Có mặt.

3/ **Ngô Tuấn Tr** (Đen), sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: số 312/43A, đường TĐ, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: phòng 521, lô C1, chung cư HL, Phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ đóng giày; Con ông Huỳnh Văn S2 (sinh năm 1959) và bà Ngô Thạch L (sinh năm 1960); Có vợ là Nguyễn Kim Ng (sinh năm 1980) và có 01 con (sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2016. Hiện đang bị tạm giam – Có mặt.

**** Người bị hại*:** Anh **Lê Minh Q**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 205 lô G, Chung cư Đồng Diều, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị **Phạm Thị Huyền Tr2**, sinh năm 1987; Địa chỉ: 1135/69B, khu phố 3, phường PT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Thắng Lợi – Phòng Giao dịch Hưng Đạo**

Địa chỉ: số 857 THĐ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. **Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Lâm**

Địa chỉ: số 279 NVL, Phường M2, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trong vụ án, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, nội dung vụ án như sau:

Ngày 31/3/2015, Phạm Ngọc S mua xe ô tô Mercedes biển số 51A-88637 của anh Lê Văn Thắng nhưng bị cáo không đứng tên hợp đồng mua xe mà nhờ Phạm Thị Huyền Tr2 (là người chung sống như vợ chồng với bị cáo) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 07/4/2015, bị cáo S lại nhờ chị Tr2 đứng tên ký hợp đồng số 0403 thế chấp chiếc xe 51A-88637 để vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) chi nhánh Phú Lâm, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 837.000.000 đồng. Theo quy định, Ngân hàng chỉ giữ giấy tờ xe bản gốc còn xe

ô tô và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe do chị Tr2 và bị cáo quản lý sử dụng.

Bị cáo Phạm Ngọc S quen biết với Lê Hoàng L và nợ bị cáo L 790.000.000 đồng nhưng không có tiền trả nợ. Khoảng tháng 3/2015, bị cáo S giao xe ô tô Mercedes biển số 51A-88637 cho bị cáo L thuê để mỗi tháng cấn trừ 25.000.000 đồng vào số tiền mà bị cáo còn nợ bị cáo L.

Ngày 05/6/2015, bị cáo S đến gặp bị cáo L hỏi mượn lại xe ô tô biển số 51A-88637 khoảng hai đến ba ngày để giải quyết công việc thì bị cáo L đồng ý. Sau khi nhận được xe, bị cáo đã bán chiếc xe này cho anh Lê Minh Q là nhân viên Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) Chi nhánh Phú Lâm, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.200.000.000 đồng. Trong đó, anh Q chịu trách nhiệm trả tiền nợ Ngân hàng thay cho bị cáo S số tiền là 850.000.000 đồng và anh Q cũng đã trả 350.000.000 đồng còn lại cho chị Tr2 để nhận xe ô tô biển số 51A-88637 cùng các giấy tờ xe. Khi hết thời hạn mượn xe, bị cáo L nhiều lần hối thúc bị cáo S đem xe về để sử dụng và trừ nợ thì bị cáo S mới nói với bị cáo L là đã giao xe cho anh Q thế chấp vay tiền.

Khoảng 21 giờ 30 ngày 11/7/2015, bị cáo S gọi điện thoại rủ bị cáo L đi lấy xe ô tô biển số 51A-88637 thì bị cáo L đồng ý. Bị cáo L đã rủ thêm Ngô Tuấn Tr cùng đi lấy xe. Bị cáo S điều khiển xe ô tô Camry biển số 51F-170.19 đến đón hai bị cáo L và Tr. Sau đó, bị cáo S giao cho bị cáo L điều khiển chiếc xe ô tô trên. Cùng thời gian này, qua theo dõi hệ thống định vị gắn trên xe, bị cáo L biết anh Q đang sử dụng xe ô tô Mercedes biển số 51A-88637 đi đến huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Khi đi, cả ba bàn bạc, trong trường hợp có người trên xe ô tô biển số 51A-88637 thì bị cáo S xuống can thiệp lấy xe, nếu xe không có người thì hai bị cáo L và Tr xuống lấy xe và cùng đi về theo đường ven biển từ HT, Bình Thuận về Vũng Tàu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, ba bị cáo nhìn thấy xe ô tô Mercesdes biển số 51A-88637 đang đậu trong nhà anh Trương Việt V (là người bà con của anh Q) tại thôn 3, xã TN, huyện HT, tỉnh Bình Thuận nên không lấy được. Đến sáng ngày 12/7/2015, bị cáo S phát hiện chiếc xe ô tô do anh Q điều khiển chạy trên Quốc lộ 1A hướng HT về thành phố Hồ Chí Minh nên bị cáo S điều khiển xe biển số 51F-170.19 chở hai bị cáo L và Tr đuổi theo. Khi anh Q điều khiển xe ô tô đến khu vực ấp 3, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai thì dừng xe lại bên lề đường để cùng gia đình đi chợ. Bị cáo S dừng xe để hai bị cáo L và Tr xuống xe và đến quan sát thì không thấy có người trông xe. Bị cáo L đã dùng chìa khóa có sẵn mở cửa, chiếm đoạt chiếc xe rồi điều khiển xe đi về hướng Bình Thuận, còn bị cáo Tr quay lại cùng bị cáo S đi theo.

Sau khoảng mấy phút, anh Q quay lại thì phát hiện bị mất xe nên đã trình báo công an xã XH và Công an huyện XL bắt quả tang Lê Hoàng L cùng vật chứng là xe ô tô biển số 51A-88637 tại thị trấn TN, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Đến ngày 28/7/2016, Phạm Ngọc S bị bắt tạm giam. Ngày 03/3/2016, Ngô Tuấn Tr bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại kết luận định giá tài sản số 3940/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 01/9/2015 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: 01 xe ô tô Mercesdes biển số 51A-88637 trị giá 1.406.790.000 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 77/2016/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2016, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc S, Lê Hoàng L và Ngô Tuấn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo:

Phạm Ngọc S (S câu) 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2015.

Lê Hoàng L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2015, được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 12/7/2015 đến ngày 21/7/2015.

Ngô Tuấn Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22/9/2016, bị cáo Ngô Tuấn Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/9/2016, bị cáo Lê Hoàng L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/9/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có kháng nghị số 350/KN-VKS-P2 yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc S, Ngô Tuấn Tr, Lê Hoàng L.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Phạm Ngọc S, Ngô Tuấn Tr và Lê Hoàng L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định bản án số 77/2016/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xét xử đối với các bị cáo Phạm Ngọc S, Ngô Tuấn Tr và Lê Hoàng L về tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Các bị cáo Ngô Tuấn Tr và Lê Hoàng L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án nặng, các bị cáo không có ý thức trộm cắp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với hai bị cáo Lê Hoàng L và Ngô Tuấn Tr, giữ nguyên nội dung kháng nghị đối với bị cáo Phạm Ngọc S. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Tuấn Tr và Lê Hoàng L, chấp nhận phần kháng nghị còn lại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc S lên mức án 12 năm tù.

Vị luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng L: Thống nhất như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại phiên toà. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Lê Hoàng L như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo Phạm Ngọc S thì thấy: Chính bị cáo là người đã bán xe cho anh Q và giao xe cho anh Q sử dụng, bị cáo biết rõ anh Q đang là người quản lý xe hợp pháp. Vậy nhưng bị cáo lại tổ chức theo dõi để lợi dụng lúc anh Q sơ hở, không để ý đã cùng đồng bọn lén lút dùng chìa khoá sơ cua để mở cửa chiếm đoạt xe. Đặc biệt là bị cáo có nhân thân rất xấu, 3 lần bị Toà án các cấp xử phạt về nhiều tội khác nhau nhưng sau khi ra tù không tu chí làm ăn mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S mức án 9 năm tù là có phần nhẹ, không đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có cơ sở để chấp nhận. Cần phải tăng một phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc S.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng L thì thấy: Rõ ràng bị cáo biết xe đã được giao một cách hợp pháp cho anh Q và anh Q đang là người chịu trách nhiệm quản lý xe nhưng bị cáo đã vì lợi ích của cá nhân mình mà tham gia theo dõi và lợi dụng lúc anh Q không để ý đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mà anh Q đang quản lý, giá trị tài sản mà bị cáo tham gia chiếm đoạt là đặc biệt lớn. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người khác đang quản lý hợp pháp mà còn xâm phạm đến trật tự trị an của xã hội, gây tâm lý bất an cho người khác. Cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ cả các tình tiết giảm nhẹ hinh phạt cho bị cáo L, xử phạt bị cáo L mức án 6 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo L không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Hội đồng xét xử thấy, đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo L của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo L là có căn cứ, kháng cáo của bị cáo L là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Tuấn Tr, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo Ngô Tuấn Tr tham gia với vai trò giúp sức thụ động, phụ thuộc và không hưởng quyền lợi gì từ việc tham gia trộm cắp này. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ngô Tuấn Tr mức án 3 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng

xét xử thấy, kháng cáo của bị cáo Tr là có cơ sở để chấp nhận, cần áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo theo tình thần của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Tr.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Bị cáo Lê Hoàng L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ngô Tuấn Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo Phạm Ngọc S. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Tuấn Tr. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng L. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc S, Lê Hoàng L và Ngô Tuấn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo: Phạm Ngọc S (S câu) 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2015.

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Ngọc S để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo: Lê Hoàng L 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2015, được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 12/7/2015 đến ngày 21/7/2015.

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Hoàng L để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo: Ngô Tuấn Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2016.

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo Ngô Tuấn Tr để đảm bảo cho việc thi hành án.

2/ Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Hoàng L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Ngô Tuấn Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (4);
- Lưu (5).16b. (Án 22)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tú Oanh